BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
HỘI ĐỒNG THI TUYỂN CÔNG CHỨC NĂM 2024

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN CÔNG CHỨC VÀO LÀM VIỆC TẠI ĐƠN VỊ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC THUỘC BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI NĂM 2024

(Kèm theo Thông báo số 4021/TB-HĐTTCC ngày 28/ 8 /2024 của Chủ tịch Hội đồng thi tuyển công chức năm 2024)

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh		ĐIỂM THI VÒNG 1		Điểm kiểm tra, sát hạch Vòng 2 (phỏng vấn)	Điểm ưu tiên	Điểm trừ do vi phạm quy chế thi	Ghi chú	TỔNG ĐIỂM	KẾT QUẢ
				Nam	Nữ	Kiến thức chung	Ngoại ngữ						
I. Vị trí: Chuyên viên về pháp chế, Vụ Pháp chế													
1	BLĐ285	Tạ Ngọc Mai	Trang		12/3/2000	45/60	26/30	95.6				**95.6**	**Trúng tuyển**
II. Vị trí: Chuyên viên về bình đẳng giới, Vụ Bình đẳng giới													
1	BLĐ194	Vũ Song	Ngân		29/7/2000	37/60	26/30	71.8				**71.8**	**Trúng tuyển**
III. Vị trí: Chuyên viên về hợp tác quốc tế, Vụ Hợp tác quốc tế													
1	BLĐ018	Nguyễn Hồng	Anh		21/11/1999	33/60	Miễn thi	81.8				**81.8**	**Trúng tuyển**
2	BLĐ311	Phạm Thị Hải	Vân		02/11/1999	32/60	Miễn thi	69.0				**69.0**	**Trúng tuyển**
IV. Vị trí: Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực, Vụ Tổ chức cán bộ													
1	BLĐ164	Phạm Hải	Long	30/10/1998		42/60	24/30	64.6				**64.6**	**Trúng tuyển**
V. Vị trí: Chuyên viên về truyền thông, Văn phòng Bộ													
1	BLĐ140	Trần Ngọc	Lê		01/12/2000	39/60	29/30	89.0				**89.0**	**Trúng tuyển**
VI. Vị trí: Chuyên viên về thi đua, khen thưởng, Văn phòng Bộ													
1	BLĐ234	Nguyễn Thị Minh	Tâm		20/08/1995	41/60	20/30	89.0				**89.0**	**Trúng tuyển**
2	BLĐ299	Nguyễn Anh	Tuấn	23/3/1995		38/60	25/30	88.8				**88.8**	**Trúng tuyển**

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh		ĐIỂM THI VÒNG 1		Điểm kiểm tra, sát hạch Vòng 2 (phỏng vấn)	Điểm ưu tiên	Điểm trừ do vi phạm quy chế thi	Ghi chú	TỔNG ĐIỂM	KẾT QUẢ
				Nam	Nữ	Kiến thức chung	Ngoại ngữ						
VII. Vị trí: Chuyên viên về hành chính - văn phòng, Văn phòng Bộ													
1	BLĐ238	Nguyễn Thị	Thanh		25/04/1993	42/60	16/30	84.4				**84.4**	**Trúng tuyển**
VIII. Vị trí: Chuyên viên về quản trị công sở, Văn phòng Bộ													
1	BLĐ295	Nguyễn Nguyên	Trường	19/02/1984		42/60	18/30	85.2	5		Con bệnh binh	**90.2**	**Trúng tuyển**
IX. Vị trí: Kế toán viên, Văn phòng Bộ													
1	BLĐ007	Đinh Tuấn	Anh	23/10/1993		33/60	Miễn thi	82.2				**82.2**	**Trúng tuyển**
X. Vị trí: Chuyên viên về giảm nghèo, Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo													
1	BLĐ005	Đặng Duy	Anh	18/02/1992		38/60	15/30	82.6				**82.6**	**Trúng tuyển**
XI. Vị trí: Chuyên viên về lao động, tiền lương, Cục Quản hệ lao động và Tiền lương													
1	BLĐ130	Nguyễn Kim	Khánh		29/06/1999	37/60	23/30	94.2				**94.2**	**Trúng tuyển**
2	BLĐ233	Nguyễn Đức	Tâm	26/10/2002		47/60	25/30	85.2				**85.2**	**Trúng tuyển**
3	BLĐ249	Tạ Minh	Thảo		20/12/2002	35/60	28/30	90.8				**90.8**	**Trúng tuyển**
4	BLĐ314	Hoàng Hải	Yến		13/8/2002	40/60	21/30	95.8				**95.8**	**Trúng tuyển**
XII. Vị trí: Chuyên viên về pháp chế, Cục Quản lý lao động ngoài nước													
1	BLĐ185	Nguyễn Quang	Minh	05/10/1995		47/60	Miễn thi	91.2				**91.2**	**Trúng tuyển**
XIII. Vị trí: Chuyên viên về công tác thanh tra, Cục Quản lý lao động ngoài nước													
1	BLĐ072	Phùng Minh	Đức	24/10/1999		33/60	25/30	92.6				**92.6**	**Trúng tuyển**
XIV. Vị trí: Chuyên viên về quản lý lao động ngoài nước, Cục Quản lý lao động ngoài nước													
1	BLĐ046	Đinh Vân	Chi		12/10/2001	39/60	25/30	95.8				**95.8**	**Trúng tuyển**

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh		ĐIỂM THI VÒNG 1		Điểm kiểm tra, sát hạch Vòng 2 (phỏng vấn)	Điểm ưu tiên	Điểm trừ do vi phạm quy chế thi	Ghi chú	TỔNG ĐIỂM	KẾT QUẢ
				Nam	Nữ	Kiến thức chung	Ngoại ngữ						
XV. Vị trí: Kế toán viên, Cục Quản lý lao động ngoài nước													
1	BLĐ179	Đào Tuấn	Minh	25/9/1999		37/60	Miễn thi	98.4				**98.4**	**Trúng tuyển**
XVI. Vị trí: Văn thư viên, Cục An toàn lao động													
1	BLĐ017	Nguyễn Diệp	Anh		29/02/1996	40/60	21/30	83.8				**83.8**	**Trúng tuyển**
XVII. Vị trí: Chuyên viên về người có công, Cục Người có công													
1	BLĐ052	Cao Phương	Dung		06/12/1996	35/60	21/30	81.8				**81.8**	**Trúng tuyển**
2	BLĐ176	Nguyễn Đình	Mạnh	12/8/1990		46/60	22/30	82.4				**82.4**	**Trúng tuyển**
3	BLĐ206	Hoàng Yến	Nhi		09/9/2001	51/60	23/30	75.8				**75.8**	**Trúng tuyển**
4	BLĐ230	Trần Tuệ	San		16/01/2002	37/60	Miễn thi	90.6				**90.6**	**Trúng tuyển**
XVIII. Vị trí: Chuyên viên về tổ chức bộ máy, Cục Người có công													
1	BLĐ115	Nguyễn Ngọc	Huyền		30/12/1998	34/60	18/30	68.4				**68.4**	**Trúng tuyển**
XIX. Vị trí: Kế toán viên, Cục Người có công													
1	BLĐ270	Đặng Thị Kim	Tiến		21/05/1999	46/60	17/30	81.6				**81.6**	**Trúng tuyển**
XX. Vị trí: Chuyên viên về phòng, chống tệ nạn xã hội, Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội													
1	BLĐ030	Trần Nhật	Ánh		20/10/2001	37/60	28/30	85.2				**85.2**	**Trúng tuyển**
XXI. Vị trí: Chuyên viên về việc làm, Cục Việc làm													
1	BLĐ025	Tạ Đức	Anh	18/11/2001		42/60	19/30	90.2				**90.2**	**Trúng tuyển**
4	BLĐ050	Lương Đức	Chính	31/7/1994		32/60	Miễn thi	91.4				**91.4**	**Trúng tuyển**

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh		ĐIỂM THI VÒNG 1		Điểm kiểm tra, sát hạch Vòng 2 (phỏng vấn)	Điểm ưu tiên	Điểm trừ do vi phạm quy chế thi	Ghi chú	TỔNG ĐIỂM	KẾT QUẢ
				Nam	Nữ	Kiến thức chung	Ngoại ngữ						
5	BLĐ069	Nguyễn Khắc	Đức	24/10/2000		35/60	Miễn thi	91.8				**91.8**	**Trúng tuyển**
XXII. Vị trí: Chuyên viên về bảo trợ xã hội, Cục Bảo trợ xã hội													
1	BLĐ099	Phạm Trung	Hiếu	14/12/2000		45/60	19/30	89.0				**89.0**	**Trúng tuyển**
2	BLĐ120	Hoàng Thúy	Hương		21/08/2001	45/60	15/30	92.2	5		Dân tộc thiểu số Tày	**97.2**	**Trúng tuyển**
XXIII. Vị trí: Chuyên viên về trẻ em, Cục Trẻ em													
1	BLĐ186	Nguyễn Tuấn	Minh	03/10/1996		32/60	22/30	79.2				**79.2**	**Trúng tuyển**
XXIV. Vị trí: Chuyên viên về hợp tác quốc tế, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp													
1	BLĐ212	Lê Hồ Nhật	Ninh		09/11/2001	45/60	Miễn thi	87.8				**87.8**	**Trúng tuyển**
XXV. Vị trí: Chuyên viên về đào tạo, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp													
1	BLĐ199	Nguyễn Thị Minh	Ngọc		06/7/2000	35/60	21/30	78.2				**78.2**	**Trúng tuyển**
XXVI. Vị trí: Chuyên viên về tổ chức bộ máy, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp													
1	BLĐ098	Phạm Minh	Hiếu	20/02/1996		46/60	Miễn thi	87.6				**87.6**	**Trúng tuyển**